

Số: 341/QĐ-TTYT

Hiệp Hòa, ngày 19 tháng 05 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai việc giao dự toán Mua sắm tài sản, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử năm 2025 và mua sắm vật tư y tế cho tiêm chủng mở rộng năm 2025**

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HIỆP HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 15/05/2025 về việc điều chỉnh giảm dự toán đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị năm 2025; cấp bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 129/TB-DT ngày 15/05/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch

Xét đề nghị của bà Trưởng phòng Tài chính - Kế toán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai việc giao dự toán Mua sắm tài sản, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai bệnh án điện tử năm 2025 và mua sắm vật tư y tế cho tiêm chủng mở rộng năm 2025 (Có biểu kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các phòng Hành chính tổ chức, Tài chính - Kế toán và các phòng ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- UBND huyện Hiệp Hòa;
- Các khoa, phòng, TYT thuộc Trung tâm
- Website Trung tâm Y tế Hiệp Hòa
- Lưu :VT, ...



**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Hoàn**

Đơn vị: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HIỆP HÒA

Chương: 799

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 34/QĐ-TTYT ngày 19/05/2025 của Giám đốc Trung tâm y tế huyện Hiệp Hòa)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                                                    | Dự toán được giao |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                                           | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu dịch vụ và thu khác</b> |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí, thu dịch vụ và thu khác</b>                          | -                 |
| 1          | Lệ phí                                                                      |                   |
|            | Lệ phí...                                                                   |                   |
|            | Lệ phí...                                                                   |                   |
| 2          | Phí                                                                         |                   |
|            | Phí ...                                                                     |                   |
|            | Phí ...                                                                     |                   |
| 3          | Thu dịch vụ                                                                 |                   |
|            | Thu từ dự phòng                                                             |                   |
|            | Thu từ TYT                                                                  |                   |
|            | Thu từ điều trị                                                             |                   |
|            | Thu khác                                                                    |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                     | -                 |
| <b>I</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               | -                 |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                              |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                        |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                            |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                      |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí, dịch vụ nộp ngân sách nhà nước</b>                       |                   |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                                               |                   |
|            | Lệ phí...                                                                   |                   |
|            | Lệ phí...                                                                   |                   |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                                                  |                   |
|            | Phí ...                                                                     |                   |
|            | Phí ...                                                                     |                   |
| <b>3</b>   | <b>Thu dịch vụ</b>                                                          |                   |
|            | Thu từ dự phòng                                                             |                   |
|            | Thu từ TYT                                                                  |                   |
|            | Thu từ điều trị                                                             |                   |
|            | Thu khác                                                                    |                   |

| Số TT     | Nội dung                                                | Dự toán được giao |
|-----------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                   | <b>3.897,000</b>  |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                       | <b>3.897,000</b>  |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                        |                   |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                  |                   |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ          |                   |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia              |                   |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                    |                   |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                 |                   |
| 2.2       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng           |                   |
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           | <b>3.897,000</b>  |
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    | 3.897,000         |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |                   |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |                   |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |                   |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |
| 1.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 1.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |

| Số TT      | Nội dung                                                | Dự toán được giao |
|------------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| 3.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 3.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                   |
| 4.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 4.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 6.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 7.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 8.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 9.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 10.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |                   |
| 1.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 1.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |                   |
| 2.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |                   |
| 3.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 3.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |                   |
| 4.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 4.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |                   |
| 5.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |                   |
| 6.1        | Dự án A                                                 |                   |
| 6.2        | Dự án B                                                 |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |                   |
| 7.1        | Dự án A                                                 |                   |

| Số TT     | Nội dung                                                | Dự toán được giao |
|-----------|---------------------------------------------------------|-------------------|
| 7.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |                   |
| 8.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 8.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |                   |
| 9.1       | Dự án A                                                 |                   |
| 9.2       | Dự án B                                                 |                   |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |                   |
| 10.1      | Dự án A                                                 |                   |
| 10.2      | Dự án B                                                 |                   |